

Số: /2019/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2019

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức hỗ trợ đối với từng hạng mục, công trình phù hợp với các mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-BXD ngày 12/10/2018 của Bộ Xây dựng về việc công bố suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2017;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số /TTr-SKHĐT ngày tháng năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Định mức hỗ trợ đối với từng hạng mục, công trình phù hợp với các mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (như biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Khoa học công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- Như Điều 3 (t/h);

Gửi bản điện tử:

- CT, PCT UBND tỉnh;

- CVP, PCVP;

- Lưu: VT,....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lý Thái Hải

PHỤ LỤC I

ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 05/2019/NQ-HĐND NGÀY 17/4/2019 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ (1000 đồng)	Ghi chú
1	Hệ thống điện			
a	Hệ thống điện trong hàng rào dự án (bao gồm trạm, dây..)	Từ 50KVA trở lên	150,000	
2	Hệ thống đường giao thông			
a	Đường giao thông trong hàng rào dự án (bề dày tối thiểu 15cm)	1m ²	1,000	Đường bê tông xi măng, bê tông asphalt, đường láng nhựa.
3	Nhà			
a	Nhà xưởng, nhà kho cao ≤ 6m	1m ²	1,500	Nhà kiên cố, cấp 4 trở lên.
b	Nhà xưởng, nhà kho cao > 6m	1m ²	2,000	
c	Kho đông lạnh	1m ²	7,000	
4	Nước sạch			
a	Bể chứa	1m ³	2,000	Vật liệu bê tông, xây gạch.
b	Đường ống (có đường kính tối thiểu 30mm)	1m	100	Vật liệu nhựa, kim loại.
c	Máy bơm	1 m ³ /giờ	500	
5	Xử lý nước thải			

a	Bê lắng, bê sục khí	1m ³	2,000	Vật liệu bê tông, xây gạch.
b	Hồ chứa nước	1m ³	50	
c	Đường ống (có đường kính tối thiểu 50mm)	1m	100	Vật liệu nhựa, kim loại.
d	Công thoát nước thải bằng BTCT (D300mm trở lên)	1m	900	
6	Xây dựng đồng ruộng			
a	Khai hoang	1ha	5,000	
b	Đường nội đồng (mặt đường BTXM)	1m ²	200	
c	Nhà kính, nhà lưới	1m ²	50	
d	Tưới phun, tưới nhỏ giọt	1m ²	30	
7	Thiết bị			
a	Nhập từ các nước phát triển	1 tấn	100,000	
b	Nhập từ các nước khác	1 tấn	65,000	
c	Sản xuất tại Việt Nam	1 tấn	70,000	
8	San lấp mặt bằng			
a	Đào, đắp đất	1m ³	10	
b	Đào, đắp đá	1m ³	50	
c	Nền bê tông các loại	1m ²	300	